TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Ý YÊN** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/ KDTM - ST
Ngày: 16 - 5 - 2025
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Hoàng Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Trúc, ông Đinh Văn Thuấn.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Mạnh Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 16/5/2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 03/2025/TLST-KDTM ngày 26 tháng 3 năm 2025 về việc: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-KDTM ngày 16/4/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S;

Địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Đức Thạch D: Ông Hoàng Tiến L – Giám đốc Chi nhánh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Tiến L: Ông Nguyễn Doãn L1.

Bị đơn: Anh Bùi Văn Th – Sinh năm: 1978, chị Lê Thị X – Sinh năm: 1981.

Cùng địa chỉ: Xóm 11, xã Yên Nhân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Bùi Văn Đ- Sinh năm: 1957, bà Nguyễn Thị T – Sinh năm: 1957.

Cùng địa chỉ: Xóm 11, xã Yên Nhân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt ông Đ, bà T; anh Th, chị X vắng mặt không có lý do lần thứ hai; Đại diện của Ngân hàng TMCP S xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn Đ nghị Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngân hàng TMCP S đã cấp tín dụng cho bà Lê Thị X và ông Bùi Văn Th thông qua khoản vay Hạn mức và thẻ tín dụng. Cụ thể:

Ngày 13/06/2024, Ngân hàng TMCP S ký hợp đồng tín dụng số 202427752905 với bà Lê Thị X và ông Bùi Văn Th

Tổng mức tín dụng được cấp là 2,200,000,000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm triệu đồng chẵn)

Mục đích vay: thanh toán tiền mua hàng.

Lãi suất cho vay: 6.8%/năm áp dụng cố định trong 06 tháng

Thời gian vay: 06 tháng

Phương thức trả nợ: Lãi trả hàng tháng, gốc trả cuối kì.

Ngày 08/04/2024, Ngân hàng TMCP S ký hợp đồng tín dụng số 202427683137 với bà Lê Thị X và ông Bùi Văn Th.

Tổng mức tín dụng được cấp là 700,000,000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm triệu đồng chẵn).

Mục đích vay: Vay tiêu dùng xây sửa nhà.

Lãi suất 24 tháng đầu tiên: 8.0%/năm.

Tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 25 đến hết tháng thứ 36 kể từ ngày ký hợp đồng này lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được Ngân hàng TMCP S điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần và bằng lãi suất cơ sở tương ứng theo kỳ hạn vay được Ngân hàng TMCP S niêm yết tại www.Ngân hàng TMCP S.com.vn thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 2%/năm.

Tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 37 đến hết tháng thứ 60 kể từ ngày ký hợp đồng này lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được Ngân hàng TMCP S điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần và bằng lãi suất cơ sở tương ứng theo kỳ hạn vay được Ngân hàng TMCP S niêm yết tại www.Ngân hàng TMCP S.com.vn thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3%/năm.

Tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 61 trở đi kể từ ngày ký hợp đồng này lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được Ngân hàng TMCP S điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần và bằng lãi suất cơ sở tương ứng theo kỳ hạn vay được Ngân hàng TMCP S niêm yết tại www.Ngân hàng TMCP S.com.vn thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3.5%/năm.

Thời gian vay: 96 tháng

Phương thức trả nợ: Gốc, Lãi trả hàng tháng.

Tài sản bảo đảm là:

Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại thửa đất số 121, tờ bản đồ số: 13. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 283778 do Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài Nguyên môi trường tỉnh Nam Định cấp cho ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị T ngày 01/03/2024. Số vào sổ cấp GCN: VP00342.

Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại thửa đất số 422; Tờ bản đồ số: 13. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 092882 do Uỷ ban nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định cấp cho ông Bùi Văn Th và bà Lê Thị X ngày 11/06/2013. Số vào sổ cấp GCN: CH00050.

Thời gian đầu bà Lê Thị X và ông Bùi Văn Th vẫn thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình tương đối Đu đặn. Đến 20/09/2024, bà Lê Thị X và ông Bùi Văn Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP S đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạN.

- Tính đến hết ngày 16/05/2025, bà Lê Thị X và ông Bùi Văn Th còn nợ các khoản sau:

Giấy nhận nợ LD2416500331:

Nợ gốc: 2,200,000,000 đồng

Lãi trong hợp đồng quá hạn: 46,606,077 đồng

Lãi quá hạn: 97,817,883 đồng

Giấy nhận nợ LD2410000069:

Nợ gốc: 663,545,000 đồng

Lãi trong hợp đồng quá hạn: 33,846,419 đồng

Lãi quá hạn: 3,633,529 đồng

Tổng số tiền là: 3,045,448,908 đồng (Trong đó: Vốn gốc là 2,863,545,000 đồng; Lãi QH trong hợp đồng là 80,452,496 đồng; Lãi quá hạn là 101,451,412 đồng)

Mặc dù Ngân hàng TMCP S thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp để yêu cầu bà Lê Thị X và ông Bùi Văn Th có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng TMCP S cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà Lê Thị X và ông Bùi Văn Th trả nợ. Tuy nhiên, Ông/bà vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Đối với thẻ tín dụng

Ngày 09/04/2024, Ngân hàng TMCP S cấp 01 Thẻ tín dụng cho bà Lê Thị X hạn mức sử dụng 30,000,000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng) theo Giấy Đ

nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng kèm theo đó bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

Ngày chốt thông báo giao dịch thẻ tín dụng của bà X ngày 25 hàng tháng.

Tính đến hết ngày 16/05/2025, thẻ tín dụng của bà Lê Thị X còn nợ là:

Thẻ tín dụng số 3209923 (bà Xuyến)

Vốn Gốc: 32,221,360 đồng

Lãi quá hạn: 4,936,664 đồng

Dư nợ: 37,158,024 đồng (Bằng chữ: Ba mươi bảy triệu, một trăm năm mươi tám nghìn, không trăm hai mươi bốn đồng)

Mặc dù Ngân hàng TMCP S thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp để yêu cầu bà Lê Thị X và ông Bùi Văn Th có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng TMCP S cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà Lê Thị X và ông Bùi Văn Th trả nợ. Tuy nhiên, Ông/bà vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín kính đề nghị Quý Toà giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đ nghị Tòa án: Buộc bà Lê Thị X và ông Bùi Văn Th phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền vay tạm tính đến hết ngày 16/05/2025 là: 3,045,448,908 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ, không trăm bốn mươi năm triệu, bốn trăm bốn mươi tám nghìn, chín trăm không tám triệu).

(Trong đó: Vốn gốc là 2,863,545,000 đồng; Lãi QH trong hợp đồng là 80,452,496 đồng; Lãi quá hạn là 101,451,412 đồng)

Ngoài ra buộc bà Lê Thị X phải trả ngày cho Ngân hàng tổng số tiền vay thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 16/05/2025 là: 37,158,024 đồng (Bằng chữ: Ba mươi bảy triệu, một trăm năm mươi tám nghìn, không trăm hai mươi bốn đồng)

(Trong đó: Vốn gốc là 32,221,360 đồng; Lãi quá hạn là: 4,936,664 đồng)

Và bà Lê Thị X và ông Bùi Văn Th có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/5/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Buộc anh Bùi Văn Th và chị Lê Thị X phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, phí thi hành án, chi phí phát sinh liên quan.

2. Tại biên bản làm việc ngày 02/4/2025, thể hiện nội dung sau:

UBND xã Yên Nhân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định cung cấp: Căn cứ theo Công văn của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, UBND xã Yên Nhân

đã tiến hành viết giấy mời làm việc đến anh Th, chị X, ông Đ, bà T. Anh Th, chị X, ông Đ, bà T đã nhận được Giấy mời làm việc. Tuy nhiên, đến giờ làm việc chỉ có ông Đ, bà T có mặt làm việc. Chị X, anh Th không hợp tác làm việc, vắng mặt không có lý do.

3. Tại bản tự khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – ông Bùi Văn Đ, bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vợ chồng ông đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án và Thông báo về việc thụ lý vụ án. Vợ chồng ông biết được nội dung khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Giữa Ngân hàng TMCP S và vợ chồng anh Bùi Văn Th, chị Lê Thị X có mối quan hệ vay tín dụng với nhau, số tiền vay cụ thể bao nhiêu ông bà không nắm được. Ông, bà chỉ biết vào khoảng tháng 4/2024 đến tháng 6/2024 ông, bà được anh Th, chị X dẫn lên Ngân hàng TMCP S ký hợp đồng thế chấp. Nay Ngân hàng TMCP S khởi kiện anh Th, chị X trả nợ ông, bà không liên quan đến khoản nợ này của anh Th, chị X. Việc Ngân hàng TMCP S yêu cầu phát mại nhà đất thuộc sở hữu của ông, bà, ông bà không đồng ý.

4. Tòa án đã thu thập tài liệu, chứng cứ thể hiện nội dung như sau:

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại hồ sơ địa chính ngày 10/4/2025 thể hiện nội dung:

- Thửa đất số 422; Tờ bản đồ số 13; Địa chỉ: Xóm 11, xã Yên Nhân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; Giấy tờ tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 092882, số vào sổ cấp GCN: BM 092882 do UBND huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định cấp ngày 11/6/2023 mang tên anh anh Bùi Văn Th, chị Lê Thị X. Diện tích: 216m^2 Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng 216m^2. Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 200m^2, đất trồng cây lâu năm 16m^2. Thời hạn sử dụng: Đất ở tại nông thôn lâu dài, đất trồng cây lâu năm 15/10/2063. Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận QSDĐ như Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Thửa đất có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đất hộ bà Cam;

Phía Tây giáp đường đi;

Phía Nam giáp đất ngõ đi;

Phía Bắc giáp đất UBND xã Yên Nhân quản lý.

Đất hiện vợ chồng anh X, chị Th vẫn đang sử dụng, không chuyển nhượng, tặng cho, mua bán, tranh chấp với bất kì cá nhân, tổ chức nào.

- Thửa đất số 121; Tờ bản đồ số 13; Địa chỉ: Xóm 11, xã Yên Nhân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; Giấy tờ tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 283778, số vào sổ cấp GCN: VP00342 do Văn phòng Đăng ký đất đai Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam

Định cấp ngày 01/3/2024 mang tên ông Bùi Văn Đ, bà Nguyễn Thị T. Diện tích: 186m^2 Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng 186m^2. Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 141m^2, đất trồng cây lâu năm 45m^2. Thời hạn sử dụng: Đất ở tại nông thôn lâu dài, đất trồng cây lâu năm 2043. Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất. Thửa đất có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đất ruộng lúa và đất ông Thanh;

Phía Tây giáp mương và đường;

Phía Nam giáp mương và đường;

Phía Bắc giáp đất hộ ông Hịu;

Đất hiện vợ chồng ông Đ, bà T vẫn đang sử dụng, không chuyển nhượng, tặng cho, mua bán, tranh chấp với bất kì cá nhân, tổ chức nào.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/4/2025 kết quả cụ thể: Toàn bộ tài sản thế chấp tại các thửa đất: thửa đất số 122, tờ bản đồ số 13; thửa đất số 121, tờ bản đồ số 13 cùng địa chỉ tại xóm 11, xã Yên Nhân so với thời điểm kí hợp đồng thế chấp tài sản Đu không có gì thay đổi.

5. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, gửi các văn bản tố tụng cho anh Th, chị X nhưng anh Th, chị X không hợp tác làm việc với Tòa án, cố tình vắng mặt, Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự nhưng anh Th, chị X không có mặt nên Toà án đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa: Anh Bùi Văn Th, chị Lê Thị X được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Ngân hàng TMCP S Đ nghị Tòa án: Buộc anh Bùi Văn Th, chị Lê Thị X phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ tính đến hết ngày 16/5/2025 là 3.045.448.908 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 2.863.545.000 đồng; Lãi quá hạn trong hợp đồng: 80.452.496 đồng; Lãi quá hạn: 101.451.412 đồng .

Buộc chị Lê Thị X trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ tính đến hết ngày 16/5/2025 là 37.158.024 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 32.221.360 đồng; Lãi quá hạn là: 4.936.664 đồng.

Cùng tiền lãi phát sinh được tính từ ngày 17/5/2025 theo Hợp đồng tín dụng số 202427683137 ngày 08/4/2024, Hợp đồng tín dụng số 202427752905 ngày 13/6/2024, Giấy Đ nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân ngày 09/4/2024 đã được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và anh Th, chị X cho đến khi anh Th, chị X trả hết nợ.

Trong trường hợp anh Th, chị X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài

sản bảo đảm là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại các thửa đất:

- Thửa đất số 422; Tờ bản đồ số 13; Địa chỉ: Xóm 11, xã Yên Nhân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; Giấy tờ tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 092882, số vào sổ cấp GCN: BM 092882 do UBND huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định cấp ngày 11/6/2023 mang tên anh anh Bùi Văn Th, chị Lê Thị X.

- Thửa đất số 121; Tờ bản đồ số 13; Địa chỉ: Xóm 11, xã Yên Nhân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; Giấy tờ tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 283778, số vào sổ cấp GCN: VP00342 do Văn phòng Đăng ký đất đai Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định cấp ngày 01/3/2024 mang tên ông Bùi Văn Đ, bà Nguyễn Thị T.

Để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh Th, chị X vẫn phải tiếp tục trả hết số nợ còn thiếu cho Ngân hàng TMCP S. Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp vượt quá số tiền phải thanh toán thì Ngân hàng TMCP S và Cơ quan Thi hành án dân sự phải hoàn trả cho người sử dụng hợp pháp số tiền vượt quá.

Ông Đ, bà T giữ nguyên quan điểm ông, bà chỉ liên quan đến đất thế chấp bảo đảm cho khoản vay, còn nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng TMCP S ông, bà Đ nghị Tòa án làm việc với anh Th, chị X, ông, bà không liên quan. Ông, bà không đồng ý yêu cầu phát mại tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng của ông, bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung:

Đây là mối quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa một bên là Ngân hàng TMCP S và một bên là anh Bùi Văn Th, chị Lê Thị X, mục đích của Hợp đồng là bổ sung vốn lưu động kinh doanh may mặc nên đây là vụ án Kinh doanh thương mại, áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a

khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện Ý Yên thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 117, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc anh Bùi Văn Th và chị Lê Thị X phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh cho đến ngày thanh toán xong theo đúng mức lãi suất thoả thuận trong các Hợp đồng tín dụng.

Trong trường hợp anh Th, chị X không trả nợ đầy đủ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP S.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Hộ gia đình anh Bùi Văn Th, chị Lê Thị X có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh với ngành nghề Đồ mộc dân dụng. Giữa Ngân hàng TMCP S và anh Bùi Văn Th, chị Lê Thị X có ký Hợp đồng tín dụng số 202427752905 ngày 13/6/2024 mục đích vay vốn là Bổ sung vốn lưu động kinh doanh may mặc. Nay giữa các bên phát sinh tranh chấp về hợp đồng này nên xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại, quan hệ pháp luật là "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về thẩm quyền của Toà án: Bị đơn anh Bùi Văn Th, chị Lê Thị X hiện đang cư trú tại xóm 11, xã Yên Nhân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn: Bị đơn anh Bùi Văn Th, chị Lê Thị X được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về trách nhiệm trả nợ chung: Khoản vay của anh Th, chị X đối với Ngân hàng TMCP S theo Hợp đồng tín dụng số 202427683137 ngày 08/4/2024, Hợp đồng tín dụng số 202427752905 ngày 13/6/2024, được xác lập tại thời điểm anh Th, chị X đang có quan hệ vợ chồng nên xác định là nợ chung của anh Th, chị X.

Vì vậy, HĐXX căn cứ Điều 27, Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình cần buộc anh Bùi Văn Th, chị Lê Thị X phải có nghĩa vụ liên đới trong việc thực hiện các nghĩa vụ với Ngân hàng TMCP S liên quan đến Hợp đồng tín dụng số 202427683137 ngày 08/4/2024, Hợp đồng tín dụng số 202427752905 ngày 13/6/2024 mà các bên đã xác lập.

[2.2] Về trách nhiệm trả nợ riêng: Chị X phải có trách nhiệm trả nợ riêng đối với khoản vay liên quan đến Giấy Đ nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân ngày 09/4/2024 đã ký kết với Ngân hàng TMCP S.

[2.3] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP S yêu cầu anh Bùi Văn Th, chị Lê Thị X phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền vay tạm tính đến hết ngày 16/05/2025 là: 3.045.448.908 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 2.863.545.000 đồng; Lãi quá hạn trong hợp đồng: 80.452.496 đồng; Lãi quá hạn: 101.451.412 đồng.

Yêu cầu chị Lê Thị X phải trả ngày cho Ngân hàng số tiền vay thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 16/05/2025 là: 37.158.024 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 32.221.360 đồng; Lãi quá hạn là: 4.936.664 đồng).

Chị Lê Thị X và anh Bùi Văn Th có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/06/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng số 202427683137 ngày 08/4/2024, Hợp đồng tín dụng số 202427752905 ngày 13/6/2024 và Giấy Đ nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân ngày 09/4/2024.

Hội đồng xét xử thấy:

Theo Hợp đồng tín dụng số 202427683137 ngày 08/4/2024 và Giấy nhận nợ số LD2410000069 ngày 09/4/2024 anh Th, chị X vay của Ngân hàng TMCP S số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng); Mục đích vay vốn: Vay tiêu dùng xây sửa nhà; Thời hạn cho vay: 96 tháng.

Theo Giấy Đ nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân ngày 09/4/2024, chị X vay của Ngân hàng TMCP S số tiền: 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng).

Theo Hợp đồng tín dụng số 202427752905 ngày 13/6/2024 và Giấy nhận nợ số LD2416500331 ngày 13/6/2024 anh Th, chị X vay của Ngân hàng TMCP S số tiền 2.200.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm triệu đồng); Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh may mặc; Thời hạn cho vay: 06 tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngân hàng TMCP S đã thực hiện giải ngân, anh Bùi Văn Th, chị Lê Thị X đã nhận nợ như sau:

Giấy nhận nợ số LD2410000069 ngày 09/4/2024, ngày vay 09/4/2024 , thời hạn vay 96 tháng, số tiền 700.000.000 đồng.

Giấy nhận nợ số LD2416500331 ngày 13/6/2024, ngày vay 13/6/2024 thời hạn vay 06 tháng, số tiền 2.200.000.000 đồng.

Về việc giải ngân đối với khoản vay theo Giấy Đ nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân ngày 09/4/2024 được thể hiện tại các tóm tắt sao kê mà Ngân hàng TMCP S đã cung cấp.

Quá trình trả nợ của anh Bùi Văn Th, chị Lê Thị X: Về nợ gốc: Anh Th, chị X chưa thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 2.863.545.000 đồng tiền nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 202427683137 ngày 08/4/2024, Hợp đồng tín dụng số 202427752905 ngày 13/6/2024. Chị X chưa thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc 32.221.360 đồng theo Giấy Đ nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân ngày 09/4/2024.

Trả nợ lãi: Anh Bùi Văn Th và chị Lê Thị X đã vi phạm trả lãi vay đối với Hợp đồng tín dụng số 202427683137 ngày 08/4/2024, Hợp đồng tín dụng số 202427752905 ngày 13/6/2024, chị Lê Thị X đã vi phạm trả lãi vay đối với Giấy Đ nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân ngày 09/4/2024.

Vi phạm của anh Bùi Văn Th, chị Lê Thị X: Thời điểm anh Th, chị X bắt đầu vi phạm chưa trả nợ lãi: Từ ngày 25/9/2025 đối với Hợp đồng tín dụng số 202427683137 ngày 08/4/2024, từ ngày 20/9/2025 đối với Hợp đồng tín dụng số 202427752905 ngày 13/6/2024.

Đối với Giấy Đ nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân ngày 09/4/2024, chị X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vào các kì trả nợ gốc, lãi (cụ thể theo tóm tắt sao kê của Ngân hàng TMCP S).

Việc anh Bùi Văn Th, chị Lê Thị X không thanh toán đúng theo thỏa thuận đã vi phạm điều khoản trả nợ gốc, lãi tiền vay đã ghi trong Hợp đồng tín dụng số 202427683137 ngày 08/4/2024, Hợp đồng tín dụng số 202427752905 ngày 13/6/2024, Giấy Đ nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân ngày 09/4/2024. Do đó Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu anh Bùi Văn Th, chị Lê Thị X phải thanh toán toàn bộ khoản nợ là phù hợp với thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 202427683137 ngày 08/4/2024, Hợp đồng tín dụng số 202427752905 ngày 13/6/2024, Giấy Đ nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân ngày 09/4/2024.

Xét thấy yêu cầu của Ngân hàng TMCP S là có cơ sở nên chấp nhận: Buộc anh Bùi Văn Th, chị Lê Thị X phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ tính đến hết ngày 16/5/2025 là 3.045.448.908 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 2.863.545.000 đồng; Lãi quá hạn trong hợp đồng: 80.452.496 đồng; Lãi quá hạn: 101.451.412 đồng

Buộc chị Lê Thị X trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ tính đến hết ngày 16/5/2025 là 37.158.024 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 32.221.360 đồng; Lãi quá hạn là: 4.936.664 đồng.

Cùng tiền lãi phát sinh được tính từ ngày 17/5/2025 theo Hợp đồng tín dụng số 202427683137 ngày 08/4/2024, Hợp đồng tín dụng số 202427752905 ngày 13/6/2024, Giấy Đ nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân ngày

09/4/2024 đã được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và anh Th, chị X cho đến khi anh Th, chị X trả hết nợ.

[2.4] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP S yêu cầu trong trường hợp anh Th, chị X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại các thửa đất:

- Thửa đất số 422; Tờ bản đồ số 13; Địa chỉ: Xóm 11, xã Yên Nhân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; Giấy tờ tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 092882, số vào sổ cấp GCN: BM 092882 do UBND huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định cấp ngày 11/6/2023 mang tên anh anh Bùi Văn Th, chị Lê Thị X.

- Thửa đất số 121; Tờ bản đồ số 13; Địa chỉ: Xóm 11, xã Yên Nhân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; Giấy tờ tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 283778, số vào sổ cấp GCN: VP00342 do Văn phòng Đăng ký đất đai Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định cấp ngày 01/3/2024 mang tên ông Bùi Văn Đ, bà Nguyễn Thị T.

Để thu hồi nợ cho phía Ngân hàng TMCP S, Hội đồng xét xử thấy:

- Ngày 13/6/2024, Ngân hàng TMCP S và anh Bùi Văn Th, chị Lê Thị X đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số *202427752905/HĐTC* theo đó tài sản bảo đảm cho các khoản vay của anh Th, chị X với Ngân hàng TMCP S là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 422; Tờ bản đồ số 13; Địa chỉ: Xóm 11, xã Yên Nhân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; Giấy tờ tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 092882, số vào sổ cấp GCN: BM 092882 do UBND huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định cấp ngày 11/6/2023 mang tên anh anh Bùi Văn Th, chị Lê Thị X

- Ngày 08/4/2024, Ngân hàng TMCP S và ông Bùi Văn Đ, bà Nguyễn Thị T đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 202427683137/HĐTCBL ngày 08/4/2025, ngày 13/6/2024 Ngân hàng TMCP S và ông Bùi Văn Đ, bà Nguyễn Thị T đã ký Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 01/202427683137/HĐTCBL theo đó tài sản bảo đảm cho các khoản vay của anh Th, chị X với Ngân hàng TMCP S là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 121; Tờ bản đồ số 13; Địa chỉ: Xóm 11, xã Yên Nhân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; Giấy tờ tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 283778, số vào sổ cấp GCN: VP00342 do Văn phòng Đăng ký đất đai Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định cấp ngày 01/3/2024 mang tên ông Bùi Văn Đ, bà Nguyễn Thị T.

Các bên ký hợp đồng Đu trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Hợp đồng này đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, nên Hợp đồng có hiệu lực pháp luật. Theo Biên bản thẩm định ngày 10/4/2025 các thửa đất trên hiện vẫn đang mang tên các chủ sở hữu hợp pháp, kể từ thời điểm thế chấp đến nay không có bất kỳ giao dịch nào liên quan đến các thửa đất này. Từ thời điểm vay đến nay không có trao đổi, mua bán gì cho bên thứ ba.

Vì anh Bùi Văn Th, chị Lê Thị X đã vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 202427683137 ngày 08/4/2024, Hợp đồng tín dụng số 202427752905 ngày 13/6/2024, Giấy Đ nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân ngày 09/4/2024 nên việc Ngân hàng TMCP S yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là phù hợp với thỏa thuận của các bên quy định tại các Hợp đồng thế chấp tài sản, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng TMCP S và vợ chồng anh Bùi Văn Th, chị Lê Thị X, vợ chồng ông Bùi Văn Đ, bà Nguyễn Thị T.

Do đó yêu cầu của Ngân hàng TMCP S là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do vậy, trong trường hợp anh Th, chị X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại các thửa đất:

- Thửa đất số 422; Tờ bản đồ số 13; Địa chỉ: Xóm 11, xã Yên Nhân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; Giấy tờ tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 092882, số vào sổ cấp GCN: BM 092882 do UBND huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định cấp ngày 11/6/2023 mang tên anh anh Bùi Văn Th, chị Lê Thị X.

- Thửa đất số 121; Tờ bản đồ số 13; Địa chỉ: Xóm 11, xã Yên Nhân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; Giấy tờ tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 283778, số vào sổ cấp GCN: VP00342 do Văn phòng Đăng ký đất đai Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định cấp ngày 01/3/2024 mang tên ông Bùi Văn Đ, bà Nguyễn Thị T.

Để thu hồi nợ.

Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh Th, chị X vẫn phải tiếp tục trả hết số nợ còn thiếu cho Ngân hàng TMCP S. Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp vượt quá số tiền phải thanh toán thì Ngân hàng và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phải hoàn trả cho người sử dụng hợp pháp số tiền vượt quá.

[2.5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Vì toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng TMCP S được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên anh Bùi Văn Th, chị Lê Thị X phải liên đới chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Các đương sự đã nộp đủ chi phí thẩm định tài sản thế chấp trong vụ án.

[3] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 117, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 324, 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 30, các Điều 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" đối với anh Bùi Văn Th, chị Lê Thị X.

1.1. Buộc anh Bùi Văn Th, chị Lê Thị X phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ tính đến hết ngày 16/5/2025 là 3.045.448.908 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 2.863.545.000 đồng; Lãi quá hạn trong hợp đồng: 80.452.496 đồng; Lãi quá hạn: 101.451.412 đồng .

Buộc chị Lê Thị X trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ tính đến hết ngày 16/5/2025 là 37.158.024 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 32.221.360 đồng; Lãi quá hạn là: 4.936.664 đồng.

Cùng tiền lãi phát sinh được tính từ ngày 17/5/2025 theo Hợp đồng tín dụng số 202427683137 ngày 08/4/2024, Hợp đồng tín dụng số 202427752905 ngày 13/6/2024, Giấy Đ nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân ngày 09/4/2024 đã được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và anh Th, chị X cho đến khi anh Th, chị X trả hết nợ.

1.2. Trong trường hợp anh Th, chị X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát

mại tài sản bảo đảm là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại các thửa đất:

- Thửa đất số 422; Tờ bản đồ số 13; Địa chỉ: Xóm 11, xã Yên Nhân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; Giấy tờ tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 092882, số vào sổ cấp GCN: BM 092882 do UBND huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định cấp ngày 11/6/2023 mang tên anh anh Bùi Văn Th, chị Lê Thị X.

- Thửa đất số 121; Tờ bản đồ số 13; Địa chỉ: Xóm 11, xã Yên Nhân, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; Giấy tờ tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DK 283778, số vào sổ cấp GCN: VP00342 do Văn phòng Đăng ký đất đai Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định cấp ngày 01/3/2024 mang tên ông Bùi Văn Đ, bà Nguyễn Thị T.

Để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh Th, chị X vẫn phải tiếp tục trả hết số nợ còn thiếu cho Ngân hàng TMCP S. Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp vượt quá số tiền phải thanh toán thì Ngân hàng TMCP S và Cơ quan Thi hành án dân sự phải hoàn trả cho người sử dụng hợp pháp số tiền vượt quá.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Buộc anh Bùi Văn Th, chị Lê Thị X phải liên đới nộp 92.908.978 đồng (Chín mươi hai triệu chín trăm linh tám nghìn chín trăm bảy mươi tám đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Buộc chị Lê Thị X phải nộp 3.000.000 (Ba triệu đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 45.680.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001575, ngày 21/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên.

3. Về quyền kháng cáo của đương sự: Ngân hàng TMCP S, ông Bùi Văn Đ, bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Bùi Văn Th, chị Lê Thị X được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 01 bản;
- UBND xã Yên Nhân: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Minh